

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1896/TTg-KTN

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2015

V/v điều chỉnh quy hoạch  
phát triển các khu công nghiệp  
tỉnh Quảng Nam đến năm 2020

|                                  |                 |
|----------------------------------|-----------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |                 |
| ĐẾN                              | Giờ: ... 5 ...  |
|                                  | Ngày: 26/10/... |

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 7492/BKHĐT-QLKKT ngày 12 tháng 10 năm 2015 về việc Đề án quy hoạch phát triển các khu công nghiệp đến năm 2020 và Đề án chuyển đổi cụm công nghiệp thành khu công nghiệp của tỉnh Quảng Nam, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn nêu trên (Phụ lục kèm theo), cụ thể:

- Điều chỉnh giảm diện tích khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc từ 418 ha xuống còn 390 ha;
- Điều chỉnh tăng diện tích khu công nghiệp Đông Quế Sơn từ 200 ha lên 211 ha;
- Bổ sung khu công nghiệp Phú Xuân với quy mô diện tích 108 ha vào quy hoạch phát triển các khu công nghiệp cả nước đến năm 2020;
- Việc chuyển đổi các cụm công nghiệp: Hà Lam - Chợ Đước, Tây An, Đại Tân và Tiên Thọ thành các khu công nghiệp sẽ được xem xét khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tiếp thu ý kiến của các Bộ, thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cho phù hợp; tổ chức thực hiện quy hoạch đã được duyệt; chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng quy hoạch chi tiết, thực hiện thủ tục đầu tư, thành lập khu công nghiệp theo từng giai đoạn phù hợp với khả năng thu hút đầu tư trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật; đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng nhà ở công nhân và các công trình phúc lợi xã hội tại các khu công nghiệp để đảm bảo điều kiện sống, làm việc của người lao động./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Hoàng Trung Hải;
- Các Bộ: TN&MT, CT, XD, QP, GTVT, NN&PTNT;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT,
- Các Vụ: TH, KTTH, V.III;
- Lưu: VT, KTN (3) Tr.T. MB

**KT. THỦ TƯỚNG**  
**PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Hoàng Trung Hải**

**Phụ lục**  
**HOẠCH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NAM ĐẾN NĂM 2020**  
Công văn số 1898/TTg-KTN ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: ha



| TT   | KCN  | Đề nghị quy hoạch | Tình hình thực hiện                             |   |  |   | Phương án điều chỉnh quy hoạch                    |   |  |              |       |
|--|--|-------------------|---|---|--|---|---|---|--|--------------|-------|
|  |  |                   | (1)<br>Diện tích thực tế đã thành lập/cấp GCNDT | (2)<br>Diện tích quy hoạch còn lại chưa thành lập/cấp GCNDT | (3)<br>Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương đề xuất) | (4)<br>Diện tích dự kiến quy hoạch đến 2020 | (5)<br>Diện tích tăng so với quy hoạch được duyệt | (6)=(5)-(1)<br>Diện tích giảm so với quy hoạch được duyệt | (7)=(1)-(5)<br>Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập mới và mở rộng đến năm 2020 |              |       |
| <b>I KCN được thành lập trước Quyết định 1107/QĐ-TTg</b>   |  |                   |   |   |  |   |   |   |  |              |       |
| 1  | Điện Nam - Điện Ngọc   |                   | 418   | 390   | 28   | 390   | 390   |   |  |              | 28    |
| <b>II KCN được phê duyệt QH theo Quyết định 1107/QĐ-TTg</b>  |  |                   |   |   |  |   |   |   |  |              |       |
| 2  | Đông Quế Sơn   |                   | 200   | 211   |  | 511   | 211   |   | 11   |              |       |
| 3  | Thuận Yên  |                   | 230   | 23  | 207  | 430   | 230   |   |  |              | 230   |
| <b>III KCN được phê duyệt quy hoạch theo Quyết định 43/2004/QĐ-TTg và văn bản của Thủ tướng trong KKTM Chu Lai</b> |  |                   |   |   |  |   |   |   |  |              |       |
| 4  | Bắc Chu Lai (KCN sản xuất và lắp ráp ô tô Trường Hải và KCN Bắc Chu Lai) |                   | 630   | 604   | 26   | 630   | 630   |   |  |              | 26    |
| 5  | Tam Anh  |                   | 1,915   | 200   | 1,715  | 1,915                                       | 1,915   |   |  |              | 1,715 |
| 6  | Tam Hiệp (KCN Tam Hiệp và KCN cảng và hậu cần cảng Chu Lai - Trường Hải) |                   | 608   | 718   | 40   | 608   | 608   |   |  |              | 40    |
| 7  | Tam Thăng  |                   | 300   | 175   | 125  | 300   | 300   |   |  |              | 125   |
| 8  | An Phú   |                   | 30  |   | 30   | 30  | 30  |   |  |              | 30    |
| <b>IV KCN dự kiến quy hoạch thành lập mới</b>  |  |                   |   |   |  |   |   |   |  |              |       |
| 9  | Phú Xuân   |                   |   |   |  | 365   | 108   |   |  |              | 108   |
| <b>Tổng cộng</b>   |  |                   | <b>4,331</b>                                    | <b>2,148</b>  | <b>2,131</b>   | <b>5,179</b>                                | <b>4,422</b>                                      | <b>11</b>   | <b>28</b>  | <b>2,274</b> |       |